TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-3-2023
V/v: Ly hôn giữa chị N và anh H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thành Công.

2. Bà Tăng Thị Nhật Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đinh Duy Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 424/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thủy N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số nhà 261/10 đường T, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Trần Đức H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số nhà 216/14 đường L, phường Lộc Tiến, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa chị N vắng mặt có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2022, các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đức H tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND phường Lộc Tiến, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 28/11/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình chồng được khoảng 01

năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H ham chơi, cờ bạc, nợ nần làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Chị đã nhiều lần kHên bảo nhưng anh H vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã làm tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Chị và anh H đã nhiều lần sống ly thân sau đó hàn gắn lại nhưng vẫn không có kết quả. Từ giữa năm 2022 chị đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị không còn tình cảm gì với anh H, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần N Khánh M, sinh ngày 09/11/2018. Hiện nay con đang sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) một tháng.

Về tài sản chung: Chị N khai không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị N khai không có.

Các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Đức H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thủy N đăng ký kết hôn đúng như chị N trình bày. Hôn nhân tự nguyện tiến bộ không ai bị ép buộc. Quá trình vợ chồng sống chung hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về tính cách, lối sống và cách chăm sóc con cái nên vợ chồng hay xảy ra xích mích, cãi vã làm tình cảm vợ chồng rạn nứt từ tháng 06/2019 cho đến nay, chị N đã cHển về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân và không còn tình cảm gì với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh cũng đồng ý ly hôn và đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Sau đó anh lại thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn, anh mong muốn được trở về đoàn tụ cùng chị N hàn gắn tình cảm và thuận tiện cho việc chăm sóc, nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần N Khánh M, sinh ngày 09/11/2018. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh H khai không có.

Nợ chung: Anh H khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghỉ nghị án thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Thủy N; về con chung: giao 01 con chung tên Trần N Khánh M, sinh ngày 09/11/2018 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ (ba triệu đồng) một tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung các đương sự khai không có nên không xem xét; về án phí: buộc chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Trần Đức H có nơi cư trú tại địa chỉ số 216/14 đường Lê Phụng Hiểu, phường Lộc Tiến, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

1.2. Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thủy N vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, bị đơn là anh Trần Đức H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thủy N và anh Trần Đức H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, lối sống, anh H ham chơi không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không có sự tôn trọng lẫn nhau, nhiều lần chị N đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy vợ chồng chị N và anh H thường xuyên lục đục, cãi vã do anh H ham chơi, nợ nần, sống không có trách nhiệm với vợ con. Mâu thuẫn giữa chị N và anh H xảy ra nhiều lần, mâu thuẫn trầm trọng nhất là hai bên tranh chấp về quyền nuôi con, sự việc đã được tổ dân phố và hội phụ nữ ở địa phương hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Từ tháng 05/2022 anh H và chị N đã sống mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị N với anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị N và anh H là chính đáng. Cả chị N và anh H đều có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Từ sau khi chị N và anh H được sự hòa giải của chính quyền địa phương (tháng 11/2022) thì con chung của chị N và anh H đã về sống cùng chị N, cháu được mẹ chăm sóc khỏe mạnh, phát triển tốt cả về thể chất và trí tuệ. Chị N cũng có công việc ổn định và có thu nhập đủ điều kiện nuôi con. Mặt khác, con của chị N và anh H còn nhỏ và là con gái, do vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, tránh sự xáo trộn không cần thiết nên giao con chung Trần N Khánh M, sinh ngày 09/11/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ (ba triệu đồng) một tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 04/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung: Chị N và anh H khai không có nên không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Chị N và anh H khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không có ai tranh chấp gì nên không xem xét.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn); anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng theo định kỳ) theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thủy N và anh Trần Đức H.

2. Về nuôi con chung: Giao 01 con chung tên Trần N Khánh M, sinh ngày 09/11/2018 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) một tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh H khai không có.

4. Về nợ chung: Chị N và anh H khai không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thủy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005336 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Đức H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng theo định kỳ) là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
+ Các đương sự;
+ VKSND thành phố Bảo Lộc;
+ T.H.A thành phố Bảo Lộc;
+ TAND tỉnh Lâm Đồng;
+ UBND phường Lộc Tiến, thành phố Bảo Lộc;
+ Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền